



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
AN GIANG**

AN GIANG FISHERIES
IMPORT AND EXPORT
JOINT STOCK COMPANY



TRỤ SỞ CHÍNH

1234 Trần Hưng Đạo - P. Bình Đức - TP. Long Xuyên - An Giang
ĐT: (0296) 3852368 - Fax: (0296) 3852202
info@agifish.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

94 - 96 Nguyễn Du - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 3825 1100 - Fax: (028) 3822 5022
info@agifish.com.vn

BÁO CÁO | **2017**
THƯỜNG NIÊN | ANNUAL REPORT



MỤC LỤC

05 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

07 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

10 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

22 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

28 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

30 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

45 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư!

Năm 2017 là năm mà ngành cá Tra Việt Nam có nhiều biến động, giá cá tra nguyên liệu luôn biến động mạnh, biên độ giao động lớn có lúc giá cá giảm, có lúc tăng hơn 30%; người nuôi đạt lợi nhuận cao, tuy nhiên do ảnh hưởng từ năm 2016 nên diện tích thả nuôi giảm dẫn đến tình trạng thiếu hụt cá nguyên liệu khi giá bắt đầu tăng dẫn đến tình trạng có lúc giá tăng quá cao trong khi giá xuất tăng không theo kịp tốc độ tăng giá nguyên liệu.

Trong năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt được kết quả như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đề ra còn dẫn đến thua lỗ do chính sách tín dụng của các ngân hàng thắt chặt, nguồn vốn Công ty bị thiếu hụt, không đủ đáp ứng cho các vùng nuôi nguyên liệu dẫn đến giá thành nuôi cao, thiếu nguyên liệu sản xuất, làm gia tăng giá thành dẫn đến kinh doanh không hiệu quả. Mặt khác, do không thể xuất vào thị trường Mỹ, phải chuyển sang thị trường khác dẫn đến các khoản nợ phải thu tăng cao, khó đòi buộc Công ty phải trích lập dự phòng với số tiền lớn.

Đứng trước tình hình khó khăn trên, bước sang năm 2018, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn do lượng cá nguyên liệu nuôi của Công ty không đủ đáp ứng cho các nhà máy chế biến, trong khi giá nguyên liệu ngoài thị trường khá cao, nguồn vốn của Công ty lại thiếu hụt nên không thể mua ngoài để sản xuất. Các ngân hàng tiếp tục siết chặt tín dụng với Công ty do ảnh hưởng của một số doanh nghiệp đã phá sản để lại các khoản nợ lớn cho các ngân hàng, thị trường xuất khẩu tiếp tục gặp khó.

Để tiếp tục duy trì cho Công ty hoạt động có hiệu quả, trong năm 2018, Công ty cần phải sắp xếp, cơ cấu lại mọi mặt hoạt động của Công ty như: thu gọn các vùng nuôi, đổi mới phương thức quản lý để vùng nuôi đạt hiệu quả; bố trí lại lực lượng lao động, thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh theo hướng thu hẹp sản xuất để giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm để có giá bán tốt tăng hiệu quả; tiết giảm chi phí quản lý, bán hàng, cơ cấu lại tiền lương...

Trong năm qua, mặt dù đội ngũ cán bộ quản lý Công ty đã có nhiều cố gắng trong quản lý sản xuất, kinh doanh nhưng do nhiều yếu tố không thuận lợi dẫn đến kết quả kém. Hội đồng quản trị, xin nhận sự đoàn kết vượt qua khó khăn của đội ngũ cán bộ công nhân viên lao động của công ty trong năm qua, cảm ơn các nhà đầu tư vẫn tin tưởng vào Công ty Agifish. Tập thể lãnh đạo, nhân viên Agifish sẽ đồng tâm vượt qua năm 2018 đầy khó khăn, cố gắng đạt những kết quả tốt hơn năm 2017 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa Công ty Agifish ra khỏi tình hình khó khăn như hiện nay.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGÔ PHƯỚC HẬU



THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch :** Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang
Tên viết tắt (An Giang Fisheries Import Export Joint Stock Company)
Đăng ký : AGIFISH Co.
: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp **1600583588** đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 09 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An Giang cấp.
- Vốn điều lệ** : 281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
- Địa chỉ** : 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại** : (0296) 852 939 – 852 368
Fax : (0296) 852 202
E.mail : agifish.co@agifish.com.vn
Website : www.agifish.com.vn
Mã cổ phiếu : AGF



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty trước đây là nhà máy đông lạnh của Công ty thủy sản An Giang được khởi công xây dựng năm 1985 và đi vào hoạt động vào tháng 03 năm 1987.

Tháng 11 năm 1995 Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH) được thành lập theo quyết định số 964/QĐUB của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 20/11/1995

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh Hùng Lao Động” và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH Co.) được thành lập theo quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002 với mã chứng khoán là AGF.

Công ty Agifish là thành viên của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy

sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội cá tra Việt Nam (VPA), Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thủy sản An Giang (AFA).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, CoC, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005. Các tiêu chuẩn ASC, BAP cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nhà máy chế biến của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận bởi các tổ chức quốc tế.

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: **DL07, DL08, DL09, DL360**; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá tra, basa Agifish là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục từ năm 2003 đến 2017 do người tiêu dùng bình chọn.

Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm.</i> <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến và mua bán dầu biodiesel từ mỡ cá</i>	1020 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán thuốc thú y, thủy sản</i> <i>Chi tiết: Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản</i>	4669
3	Nuôi trồng thủy sản nội địa <i>Chi tiết: Nuôi thủy sản</i>	0322
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá <i>Chi tiết: Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hoá thủy sản</i>	5210
5	Bán buôn thực phẩm	4632

Agifish cung cấp cho thị trường trên phạm vi cả nước qua mạng lưới đại lý của Agifish và các hệ thống phân phối của Saigon Coopmart, BigC, Mega market ... sản phẩm cá tra, cá basa Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm, với giá cả hợp lý, góp phần tạo dựng uy tín của sản phẩm thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới như Mỹ, Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Nam Mỹ, Đông Âu và Nga.



• TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
Điện thoại: (0296) 3852 368 – 3852 939
Fax: (0296) 3852 202

• CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI TP. HCM

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà REESCO, số 94 - 96 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (028) 3825 1100 – (028) 3829 9767
Fax: (028) 3822 5022

• XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 7

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
Điện thoại: (0296) 3854 241

• XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 8

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
Điện thoại: (0296) 3836 221
Fax: (0296) 3836 254

• XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 9

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
Điện thoại: (0296) 3958999
Fax: (0296) 3958888

• XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM AGF360

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại: (0296) 3857 590

• XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ THỦY SẢN

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.
Điện thoại: (0296) 3958408

• XÍ NGHIỆP KHO VẬN MỸ THỜI

Địa chỉ: số 206, Quốc lộ 91, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang.
Điện thoại: (0296) 3930378

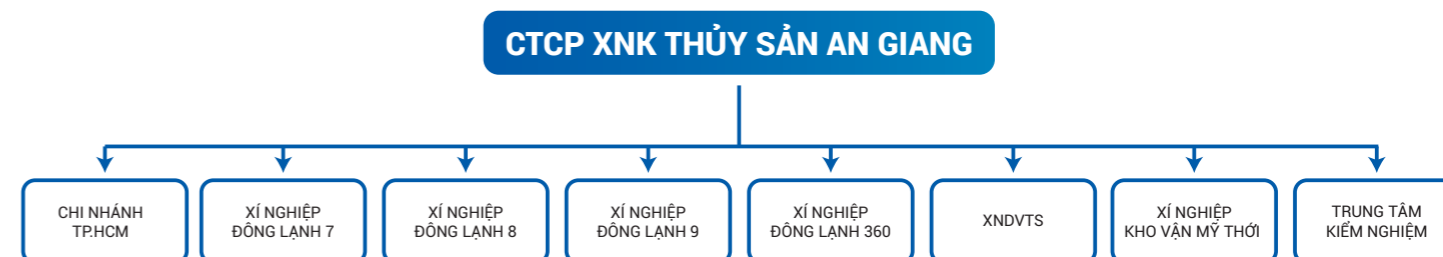
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

CÔNG TY MẸ: CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

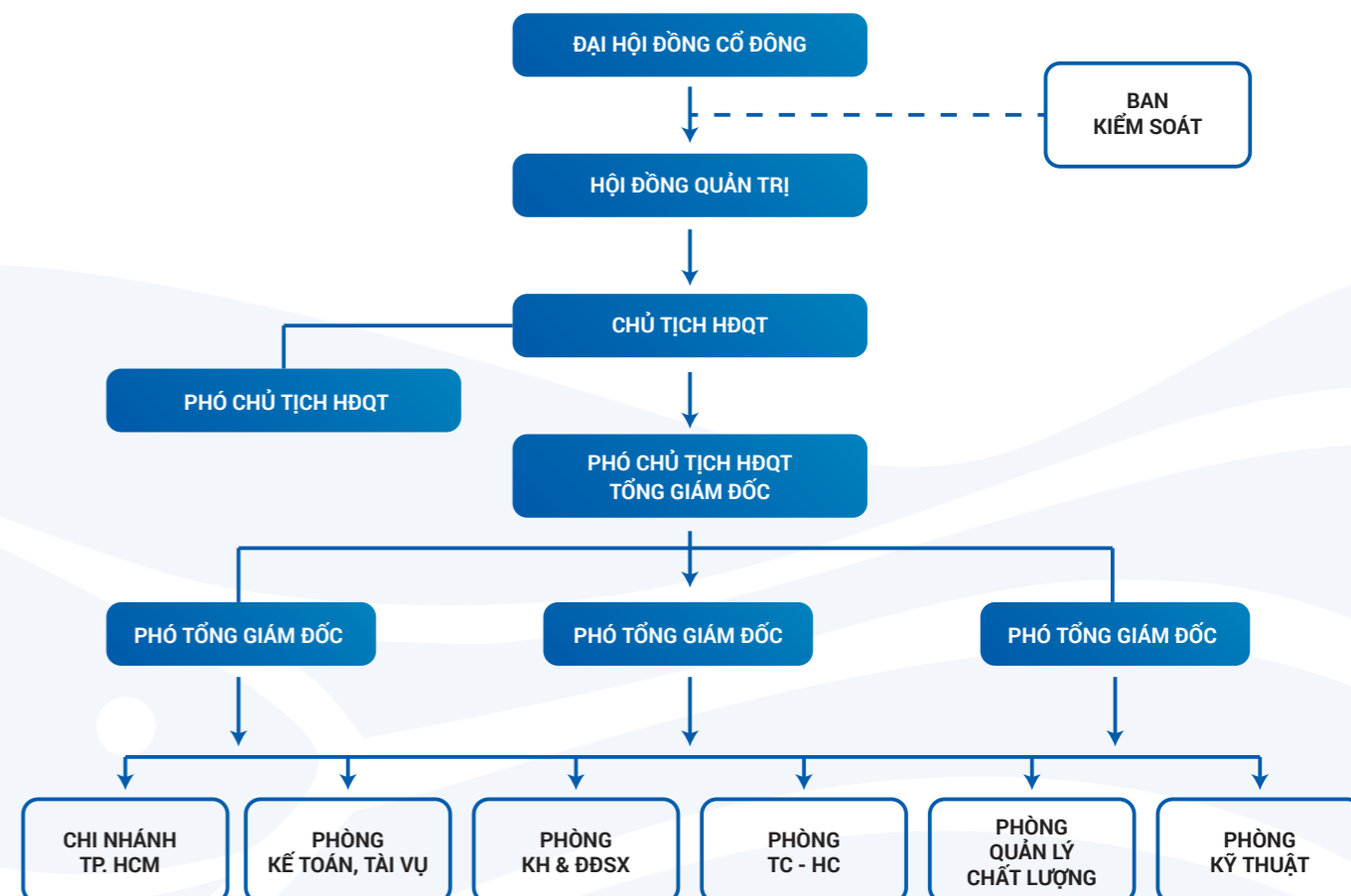
Địa chỉ: Lô 44 KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần AGF: 79,58%

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

• Sắp xếp quy hoạch lại các vùng nuôi đảm bảo đáp ứng được 60-70% nhu cầu sản lượng chế biến, tiến tới các vùng nuôi đều đạt chuẩn ASC, BAP...cùng cơ sở chế biến thủy sản hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Nghiên cứu nâng cao giá trị sản phẩm cá tra, basa bằng các sản phẩm chế biến giá trị gia tăng.

• Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu Agifish gắn với hệ thống tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc, tăng cường năng lực quản lý từ khâu nguyên liệu đến chế biến xuất khẩu.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

• Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và khu vực ASEAN trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản bằng chiến lược phát triển bền vững và có trách nhiệm, trong đó tập trung vào các sản phẩm cá tra trên cơ sở xây dựng và phát triển chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi: quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, cung ứng sản phẩm vào các hệ thống phân phối lớn phục vụ người tiêu dùng.

• Xây dựng thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hoá doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

• Liên kết cùng với các đơn vị thành viên khác trong tập đoàn Hùng Vương để tạo lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

5. CÁC RỦI RO

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

• Sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm.

• Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

• Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường như Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Đông Âu và Nga. Đây là những thị trường có tốc độ tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là một trong những yếu tố làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó, làm ảnh hưởng đến

kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặt khác, sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

CẠNH TRANH VỚI CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC

• Trong khu vực, ngoài các nước đầu nguồn sông Mê Kông như Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan... có nuôi cá tra, Basa, do tiềm năng to lớn của loài cá này, hiện nay các quốc gia khác cũng đang có chính sách khuyến khích người dân nuôi và phát triển nuôi loài cá này. Ngoài ra họ cũng đã chú ý đến việc đầu tư nuôi cá tra sạch. Công ty CP Thái Lan đang đẩy mạnh đầu tư để quản lý một bộ phận quan trọng của ngành cá tra Việt Nam.

VÙNG NUÔI
AN THẠNH TRUNG
ĐẠT TIÊU CHUẨN ASC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, các thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Đông Âu ... đang sa sút, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm thị trường thay thế như Nam Mỹ, Trung Đông.... Hiện nay, thị trường tiêu thụ chính của Công ty là Châu á, mà chủ yếu là thị trường Trung Quốc đây là thị trường mới có tốc độ tăng trưởng nhanh, chủng loại sản phẩm đa dạng, tuy nhiên giá thấp hơn các thị trường khác nên kết quả kinh doanh không đạt như kỳ vọng, thị trường Trung Quốc trở thành nơi gở khó cho các doanh nghiệp thủy sản, trong đó có Agifish bị mất thị trường Mỹ do thuế chống bán phá giá theo kết quả phán quyết của DOC.

Đối với thị trường trong nước, Agifish tiếp tục giữ vững danh hiệu "**Hàng Việt Nam chất lượng cao**" của các sản phẩm giá trị gia tăng chế biến từ cá tra, basa Agifish, Xí nghiệp đông lạnh AGF360 đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng trong cơ cấu hàng xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách.

Hơn 70% sản phẩm mang thương hiệu Agifish được tiêu thụ mạnh tại các hệ thống siêu thị Saigon Coop Mart, Mega market, Big C, Lotte... còn lại phân phối thông qua các đại lý trên cả nước.

Trong niên độ tài chính 2016- 2017 sản lượng hàng giá trị gia tăng đạt 103% so cùng kỳ, đạt 3.939 tấn, trong đó :



XUẤT KHẨU

1.781 tấn



KIM NGẠCH

3.81 triệu USD



TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

2.212 tấn



DOANH THU

120 tỷ đồng

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Các chỉ tiêu kế hoạch như: kim ngạch xuất khẩu, doanh thu, lợi nhuận đều không đạt như kế hoạch đã đề ra. Một số nguyên nhân chính là:

- Công ty bị áp mức thuế chống phá giá sang Hoa Kỳ khá cao. Thuế suất áp dụng cho sản phẩm cá tra phi lê đông lạnh của công ty Agifish ở mức 0,66 USD/kg. Vì vậy, trong niên độ 2016 – 2017 công ty không xuất hàng qua thị trường Hoa Kỳ phải tìm kiếm thị trường thay thế;
- Tín dụng ngân hàng bị thắt chặt, ảnh hưởng đến vòng vốn, nguyên liệu sản xuất chủ yếu từ nguồn nuôi của Công ty, hạn chế mua ngoài, dẫn đến thiếu nguyên liệu sản xuất, không đủ sản phẩm đáp ứng cho thị trường những lúc giá xuất khẩu tăng cao, lỗ mất thời cơ.
- Thị trường Trung quốc có mức tăng trưởng, song sản lượng xuất chủ yếu là nguyên con nên giá trị thấp, hiệu quả không cao;
- Thiếu nguồn vốn cũng là nguyên nhân các vùng nuôi không đạt hiệu quả, thiếu thức ăn cá chậm lớn, hao hụt nhiều, giá thành tăng, làm cho hiệu quả nuôi không đạt như kế hoạch.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh (%)	
				2017/2016	TH/KH
Tổng doanh thu (tỷ)	3.291	2.500	2.273	69,06	90,92
LN trước thuế (tỷ)	2,585	50	-186		
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	30.645	33.000	26.324	86	80
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	59,27	68	52,351	88	77
Tổng số lao động (ngàn người)	2.647	2.600	2.256	85	87
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.410.000	5.500.000	5.466.000	101	99



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 24/02/1958
Nơi sinh	: TP Hồ Chí Minh
CMND	: 022868620
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 233/34 Xô viết Nghệ Tĩnh, P15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Số ĐT liên lạc	: 0903939763
Trình độ chuyên môn	: Đại học nuôi trồng & chế biến thủy sản
• Quá trình công tác	Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre Từ 1993 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang Từ Tháng 1/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Agifish
• Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	: - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc
• Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hùng Vương
• Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	: Không
• Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	: Không
• Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
• Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
• Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không



VÕ THÀNH THÔNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 05/12/1967
Nơi sinh	: Tây Ninh
CMND	: 351768544, ngày cấp 18/11/2010, nơi cấp: An Giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 1234/60 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số ĐT liên lạc	: 0913128909
Trình độ chuyên môn	: Tốt nghiệp Đại học TC-KT TP.HCM năm 1989
• Quá trình công tác	Tháng 02/1990 – 07/1991: làm tại phòng Tài chính huyện Châu Thành, tỉnh An Giang Từ tháng 08/1991 đến nay: làm việc tại Cty Agifish
• Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	: - Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc
• Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:
• Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	: 34.522 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
• Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	: Không
• Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
• Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
• Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không



VÕ VĂN PHONG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/04/1975
Nơi sinh	: Xã Thới Thạnh, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
CMND	: 362369683, ngày cấp 23/12/2008, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 127/24 Mậu Thân, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Số ĐT liên lạc	: 0903873877
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư công nghệ thực phẩm, Đại học Cần Thơ
• Quá trình công tác	Từ 2000 - 2002: làm việc tại vùng thử nghiệm Cty Proconco Cần Thơ Từ 2002 - 2007: làm việc tại vùng nuôi thủy sản Cty Aquaservice Từ 2008 – 2013 : Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam Từ 2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc phụ trách nuôi trồng, Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang
• Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	: Phó Tổng Giám đốc
• Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	: - Phó giám đốc phụ trách nuôi trồng Công ty cổ phần Hùng Vương - Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam
• Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	: 5.500 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ
• Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	: Không
• Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
• Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
• Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Thời điểm 30/09/2016:

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CUỐI KỲ
2.256 người (1.440 nữ)
 ↑ TĂNG TRONG KÌ 505 người
 ↓ GIẢM TRONG KÌ 896 người

LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
 2 TRÊN ĐẠI HỌC 152 ĐẠI HỌC 29 CAO ĐẲNG 120 TRUNG CẤP

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân toàn công ty đạt 5.466.000 đ/người/tháng.
- Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty. Khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả.
- Công ty luôn tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động, bảo đảm việc làm thường xuyên và thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước. Tổng mức đóng BHXH hằng năm là trên 30 tỷ đồng
- Triển khai các chế độ chính sách hỗ trợ như nâng lương, tiền ăn giữa ca, hỗ trợ tiền xăng cho công nhân giúp ổn định tâm lý của người lao động
- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; cải tiến quy trình, dụng cụ, thiết bị trong sản xuất nhằm giảm định mức chế biến, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, với số tiền hơn 200.000.000 đồng.

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

• CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN:

Công ty đang hoàn tất các thủ tục để đầu tư khu nhà ở tập thể cho người lao động tại Phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang với qui mô:

- Tổng diện tích: 43.801m²
- Số căn hộ: 253 căn
- Tổng vốn đầu tư: 45.870.949.000 đồng
- Thời gian thực hiện: 24 tháng
- Khởi công: sau khi hoàn tất các thủ tục và có đủ nguồn vốn

• CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: không



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.454.311.440.067	2.072.111.657.261	-15,6
Doanh thu thuần	3.291.370.168.598	2.273.878.185.861	-30,9
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.178.788.820	-185.818.265.380	-3.588
Lợi nhuận khác	-813.598.336	-348.731.062	42,86
Lợi nhuận trước thuế	4.365.190.484	-186.166.996.442	-4.264,8
Lợi nhuận sau thuế	2.585.464.097	-187.329.236.363	-7.345,5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	82	-6.664,21	

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,16	1,18	
- Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,80	0,80	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,68	0,71	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,11	2,44	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,47	3,87	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,34	1,10	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0008	-0,0824	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0,0033	-0,3114	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0011	-0,0904	
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,0016	-0,817	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 28.109.743 cp
- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cp

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Các dữ liệu thống kê về cổ đông (xác định đến ngày 26/12/2017)

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông đặc biệt		
- HĐQT	51.022	0,18
- BGD	40.022	0,14
- BKS		
2. Cổ đông trong nước		
- Tổ chức	24.712.345	87,91
Trong đó cổ đông nhà nước	2.316.892	8,24
- Cá nhân	3.108.585	11,05
3. Cổ đông nước ngoài		
- Tổ chức	53.794	0,19
- Cá nhân	235.019	0,83
4. Cổ phiếu quỹ		
TỔNG CỘNG	28.109.743	100

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn

TT	Tên Họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2.316.892	8,24
2	Công ty CP Hùng Vương (HVG) Người đại diện: Dương Ngọc Minh	Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	22.370.625	79,58

- GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ** : không có
- CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC** : không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

TỔNG SẢN LƯỢNG CÁ NGUYÊN LIỆU **65.482** tấn (mua ngoài 28.690 tấn)
 VẬT TƯ BAO BÌ, PE **2.074** tấn
 TỶ LỆ PHẦN TRĂM **0%** NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC TÁI CHẾ

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP :

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện.

NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

- Thay thế hệ thống chiếu sáng từ đèn huỳnh quang chấn lưu sang công nghệ đèn led.
- Lắp thêm biến tần (inverter), khởi động mềm MCD3000 cho các thiết bị có motor công suất lớn nhằm tiết kiệm điện khi khởi động thiết bị.

CÁC SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG :

- Các xí nghiệp đông lạnh trong toàn công ty sử dụng năng lượng tái tạo: tận dụng nhiệt của đường nén hệ thống lạnh để làm nóng nước phục vụ cho việc vệ sinh các công cụ sản xuất thay cho trước đây sử dụng máy nước nóng tiêu thụ bằng năng lượng điện hoặc dầu diesel.
- Thường xuyên giáo dục ý thức tiết kiệm điện cho cán bộ, công nhân lao động, lắp đặt các bảng nội quy về sử dụng điện tiết kiệm trong văn phòng và nhà xưởng coi như là biện pháp nhắc nhở thường xuyên hiệu quả.

TIÊU THỤ NƯỚC

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG :

- Nguồn nước cung cấp cho các Xí nghiệp đông lạnh 7, Xí nghiệp đông lạnh 9 và Xí nghiệp chế biến thực phẩm 360 là nguồn nước giếng ngầm, khoan sâu 250m, qua hệ thống xử lý nước cấp của các xí nghiệp 120m³/ giờ. Tổng lượng nước ngầm sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm là 408.660m³ bằng 94% so cùng kỳ.
- Nguồn nước cung cấp cho Xí nghiệp đông lạnh 8 là nguồn nước mặt bơm trực tiếp từ sông Hậu qua hệ thống xử lý nước cấp của xí nghiệp công suất 60m³/ giờ. Tổng lượng nước mặt từ sông Hậu sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của xí nghiệp đông lạnh 8 là 136.468 m³ bằng 94% so cùng kỳ.
- Tổng mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh của toàn Công ty trong niên độ 2016 - 2017 là 545.128 m³ giảm 6% so với niên độ 2015-2016.

TỶ LỆ PHẦN TRĂM VÀ TỔNG LƯỢNG NƯỚC TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG : không có

TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Số lượng lao động trong năm là 2.256 người, mức lương bình đạt 5.466.000 đồng/người/tháng

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHOẺ, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho hơn 3.400 lượt người lao động với tổng số tiền hơn 400 triệu đồng.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG :

Công nhân ngành thủy sản thường vào làm việc và nghỉ việc, số lượng biến động trong kỳ báo cáo tăng giảm rất lớn trong quá trình sản xuất, nên công ty phải thường xuyên tổ chức huấn luyện, đào tạo dạy nghề cho công nhân mới vào làm việc trực tiếp trên dây chuyền sản xuất tại các xí nghiệp chế biến đông lạnh của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty chủ trương bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương.

Các cơ sở sản xuất của Công ty bao gồm trại nuôi, nhà máy chế biến.... đặt cơ sở ở các địa phương luôn thực hiện đúng các quy định, chính sách pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, xã hội tại địa phương. Cố gắng hạn chế xả thải nguồn nước, chất thải độc hại chưa xử lý ra môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

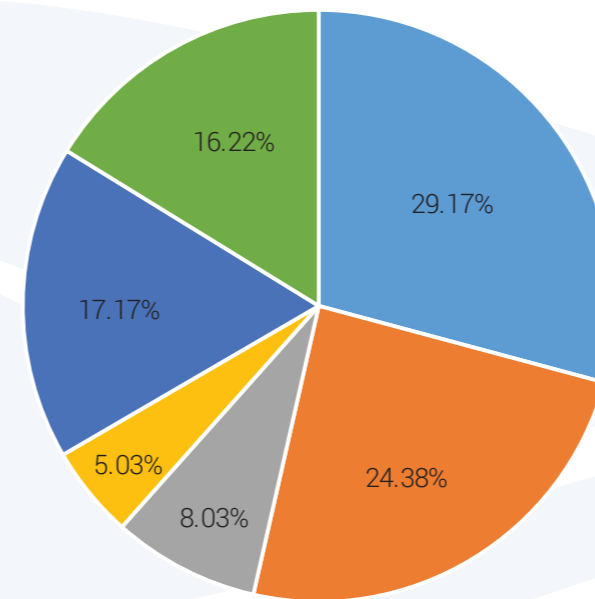
BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

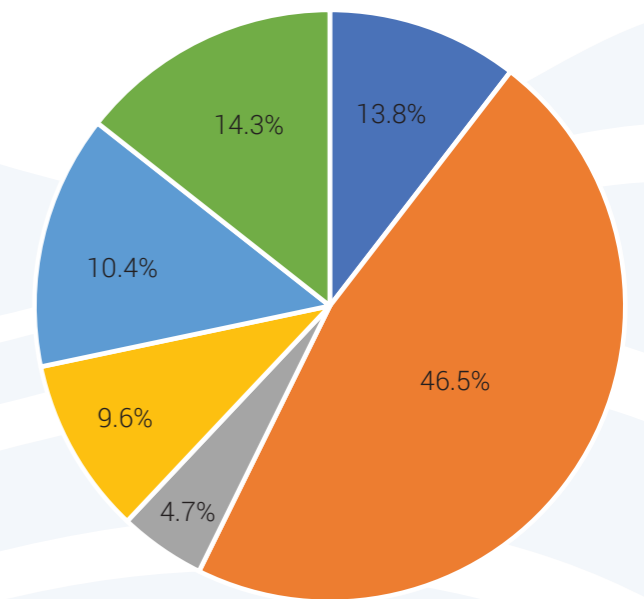
Tổng doanh thu trong niên độ 2016-2017 đạt **2.452 tỷ đồng**, sản lượng xuất khẩu (NET) **26.324 tấn**, kim ngạch xuất khẩu **52,321 triệu USD**. Cơ cấu hàng xuất khẩu có sự thay đổi do không xuất được hàng sang Hoa Kỳ, thị trường Tây Âu bị thu hẹp, Châu Á trở thành là thị trường lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu của Công ty (chiếm tới 46,5%), kế đến Trung Đông 14,3%, Úc 13,8%, Tây Âu 10,4%, Nam Mỹ 9,6%, Đông Âu + Nga 4,7%.

Doanh thu đạt 98% theo kế hoạch, nhưng lợi nhuận -187 tỷ đồng do các nguyên nhân:

- Chính sách tín dụng ở các ngân hàng thắt chặt, làm cho công ty thiếu nguồn vốn để phục vụ cho công tác nuôi trồng dẫn đến thiếu nguồn nguyên liệu để sản xuất;
- Sản lượng sản xuất giảm dẫn đến giá thành sản xuất cao, trong khi giá bán tăng không đáng kể;
- Sản lượng ít nên không đáp ứng kịp các đơn hàng vào những thời điểm thị trường tăng giá, mất thời cơ thuận lợi dẫn đến hiệu quả thấp;
- Phải trích lập dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi hơn 80 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp giảm hơn 135 tỷ đồng tương ứng 251%.



Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2016



Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2017

Tây Âu Châu Á Đông Âu & Nga Nam Mỹ Úc Trung Đông

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

• Hiệu quả sử dụng tài sản năm 2017 thấp hơn so với cùng kỳ, các vùng nuôi nguyên liệu của Công ty thiếu nguồn vốn dẫn đến cá chậm lớn, giá thành cao. Tổng Tài sản công ty tại ngày 30/9/2017 so với 30/9/2016 giảm hơn 382 tỷ đồng (15,6%), mức giảm này được đánh giá sẽ ảnh hưởng nhiều đến tình hình cân đối tài chính của Công ty.

• Hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu không đạt kế hoạch và thấp hơn năm 2016, cụ thể các hợp đồng xuất khẩu đã ký vào đầu năm có giá bán thấp, trong khi vào thời điểm giao hàng cá nguyên liệu tăng cao.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

• Nợ phải trả tại ngày 30/09/2017 giảm so với 30/9/2016 chủ yếu là thay đổi ở khoản nợ vay ngắn hạn. Các vùng nuôi nguyên liệu được qui hoạch theo hướng thu hẹp, đồng thời nguồn vốn hỗ trợ từ các ngân hàng giảm, các khoản vay năm 2017 giảm so với cùng kỳ.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2017-2018

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2016 - 2017	THỰC HIỆN 2016 - 2017	KẾ HOẠCH 2017 - 2018
I	CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG				
1	Sản lượng xuất khẩu	tấn	33.000	26.324	30.000
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa - Hàng chế biến GTGT + Sản lượng + Doanh thu	tấn tỷ đồng	2.200 120	2212 120	2.600 150
II	CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XNK				
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	68.000.000	52.206.000	60.000.000
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD	2.000.000	31.000	2.000.000
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.500	2.279	2.500
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	2.450	2.184	2.450
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	50	-186	50
IV	KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG			2.256	
1	Tổng lao động	Người	2.600	5.466.000	2.000
2	Thu nhập bình quân người/tháng	đ/n/t	5.500.000		5.600.000

4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN:

không có



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

• - Đưa vào sử dụng công trình nâng cấp khu tiếp nhận cá nguyên liệu trên bến sông Hậu của nhà máy đông lạnh 7 và nhà máy đông lạnh 8 được Ban kỹ thuật Công ty thiết kế, thi công góp phần nâng cao năng lực tiếp nhận, tiết kiệm được chi phí và lực lượng lao động. Hiệu quả làm lợi cho Công ty hàng trăm triệu đồng.

• Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, tinh gọn bộ máy quản lý giảm 15% so với năm 2016.

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

• Trước sự phát triển của thị trường hiện nay, ngoài yêu cầu về chất lượng, người tiêu dùng và các nước nhập khẩu thủy sản quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm bền vững và có trách nhiệm, khách hàng còn đòi hỏi sản phẩm phải được sản xuất trong điều kiện an toàn với môi trường, xã hội và người lao động. Do vậy, Ban lãnh đạo công ty nỗ lực thực thi trách nhiệm xã hội một cách nghiêm túc trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh; Xây dựng chương trình, kế hoạch từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và Công ty Agifish đã được cấp chứng nhận nuôi thủy sản bền vững (ASC) cho vùng nuôi cá An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, An Giang từ

năm 2013, vùng nuôi Mương Điều huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp năm 2016; và tiêu chuẩn thực hành nuôi thủy sản tốt (BAP) từ 2015 cho vùng nuôi Mương Điều, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp. Agifish là đơn vị đã được cấp chứng nhận tiêu chuẩn 4 sao BAP (nhà máy chế biến - nuôi - giống - thức ăn). Tiêu chuẩn BAP là tiêu chuẩn dành cho chuỗi cung ứng thủy sản toàn cầu, là kết tinh của quá trình cải tiến liên tục và được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học nhằm bảo đảm việc cung cấp thực phẩm an toàn nhờ quá trình sản xuất có trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

• Trong năm, công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều thực hiện theo chủ trương của Hội đồng quản trị và Công ty mẹ; Công ty đã đề ra các giải pháp nhằm giảm giá thành sản xuất từ khâu nguyên liệu cho đến chế biến và xuất khẩu để ổn định doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động, tuy nhiên do ảnh hưởng của nhiều yếu tố, nhất là chính sách tín dụng của các ngân hàng làm cho Công ty thiếu nguồn vốn để phục vụ cho sản xuất kinh doanh dẫn đến hiệu quả thấp, mặt khác do dịch chuyển cơ cấu thị trường xuất khẩu dẫn đến khoản nợ phải thu khó đòi khá lớn mà Công ty phải trích dự phòng làm cho hiệu quả

kinh doanh trong niên độ 2016 – 2017 âm hơn 187 tỷ đồng.

• Công ty kiên trì thực hiện các giải pháp đã đề ra: tăng năng suất, ổn định chất lượng giảm giá thành sản phẩm, mở rộng thị trường, giảm chi phí, chính sách tinh giảm nhân sự, quan tâm đúng mức đối với người lao động như tiền lương cùng các chế độ đãi ngộ đã giữ chân được lực lượng lao động giỏi mang lại sự ổn định trong sản xuất và chất lượng.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

• Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, sau Đại hội Tổng giám đốc tiếp tục tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh lại công tác quản lý, mở rộng vùng nguyên liệu theo kế hoạch đã đề ra nhằm chủ động nguồn cá nguyên liệu cho sản xuất. Tháo gỡ khó khăn của thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng tại thị trường các nước Bắc Âu, Trung Đông, Trung Quốc... . Song do ảnh hưởng nhiều yếu tố làm cho hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm không đạt mục tiêu đề ra.

• Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc đã báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đề xuất các giải pháp để thực hiện các chiến lược kinh doanh do HĐQT đưa ra. Trực tiếp chỉ đạo việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kịp thời, chính xác theo đúng quy định

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2017 – 2018 của Công ty.
- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông niên độ tài chính 2017- 2018.
- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện việc công bố thông tin theo thông tư hướng dẫn công bố thông tin số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015.
- Sắp xếp, củng cố lại các vùng nuôi cá nguyên liệu theo hướng thu hẹp vùng nuôi, giảm bớt sản lượng, nâng cao chất lượng, đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, giá thành cá nuôi hiệu quả cao nhất.
- Trước tình hình khó khăn, trong năm 2018 Công ty sẽ thu hẹp sản xuất, tổ chức lại lao động; duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực

- phẩm. Tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh..
- Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng như giao hàng đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm đúng như cam kết.
- Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng để nâng thị phần trong nước và xuất khẩu; đưa ra thị trường các sản phẩm mới bù đắp cho sản phẩm fillet bị thu hẹp như sản phẩm da cá chiên giòn, bánh tráng chả cá chiên...
- Sử dụng đồng vốn có hiệu quả, tập trung cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi, không đầu tư ngoài ngành.
- Điều chỉnh chính sách tiền lương, chế độ chính sách cho cán bộ quản lý theo hướng tiết giảm, để hạ giá thành sản phẩm nhằm đạt hiệu quả tốt nhất.



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
- Số lượng thành viên : 5 người. Trong đó:
- + Thành viên bên trong : 3 người
- + Thành viên bên ngoài : 2 người
- Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	2013 – 2018	Thành viên độc lập
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	2013 – 2018	Thành viên độc lập
3. Nguyễn Văn Ký	Phó Chủ tịch	2013 – 2018	
4. Võ Thành Thông	Thành viên	2013 – 2018	
5. Võ Văn Phong	Thành viên	2013 – 2018	

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁ NHÂN CỦA CÁC THÀNH VIÊN



NGÔ PHƯỚC HẬU

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 08/06/1956
Nơi sinh : Châu Phú A, Thị xã Châu Đốc, An Giang
CMND : 350624332 ngày cấp 05 - 03 - 2001, nơi cấp: An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 37/28 Trần Đình Xu, Phường Cầu Kho, Quận I, TPHCM
Số ĐT liên lạc : 0913834615
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư sinh hoá

• **Quá trình công tác:** 1995 – 2001: Giám đốc Công ty XNK Thủy sản An Giang
 2001 đến 2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish

• **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Chủ tịch HĐQT
 • **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

• **Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** : 11.000 cổ phần, chiếm 0,04 % vốn điều lệ
 • **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không

• **Những khoản nợ đối với Công ty** :
 • **Lợi ích liên quan đối với Công ty** :
 • **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** :



DƯƠNG NGỌC MINH

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 22/10/1956
Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh
CMND : 021997925, ngày cấp 20 - 10 - 2003 nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 218/33/7 Minh Phụng, Phường 6, Q6, TPHCM
Số ĐT liên lạc : 0903 311 111
Trình độ chuyên môn : Kinh doanh

• **Quá trình công tác:** Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng Nông trường Duyên Hải.
 Từ 1984 đến 1994: Giám đốc Công ty chế biến thủy sản Hùng Vương.
 Từ 2003 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương

• **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
 • **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương

• **Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** : 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ
 + **Đại diện sở hữu:** : 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ
 + **Cá nhân sở hữu:** :

• **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không

• **Những khoản nợ đối với Công ty** :
 • **Lợi ích liên quan đối với Công ty** :
 • **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** :

Ông **NGUYỄN VĂN KÝ** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông **VÕ VĂN PHONG** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông **VÕ THÀNH THÔNG** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

• Các tiểu ban của Hội quản trị: không có
 • Hoạt động của Hội đồng quản trị
 - Thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với sự phát triển của Công ty trong tình hình hiện nay. Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế để đề ra những chủ trương, định hướng phát triển phù hợp.

- Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (Agifish) vào lúc 9h00 ngày 24 tháng 02 năm 2017, tại Hội trường trụ sở Công ty số 1234 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Ngô Phước Hậu, Chủ tịch HĐQT, thay mặt cho đoàn chủ tịch đọc tờ trình trước Đại hội các nội dung cần biểu quyết thông qua

• Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban giám đốc, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính niên độ 2015 - 2016 sau kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2016;

• Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch, sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính 2016 – 2017

• Thông qua đề xuất mức chi cổ tức trong niên độ tài chính 2016 - 2017.

• Thông qua việc ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty từ danh sách các Công ty kiểm toán trong niên độ tài chính 2016 – 2017 : KLMG; Ernts & Young Việt Nam; Deloitte

• Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Các cuộc họp của HĐQT:

Trong niên độ tài chính 2016 -2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm đưa ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ tham gia các cuộc họp của các thành viên HĐQT được thống kê chi tiết như sau :

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	2	100%	
2	Dương Ngọc Minh	P.Chủ tịch	2	100%	
3	Nguyễn Văn Ký	P.Chủ tịch	2	100%	
5	Võ Thành Thông	TV	2	100%	
6	Võ Văn Phong	TV	2	100%	

• Hội đồng quản trị lần thứ 73 ngày 13/12/2016 để thảo luận quyết định về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 24/01/2017;

• Hội đồng quản trị lần thứ 74 ngày 30/12/2016 để thảo luận và quyết định dời ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông năm 2017 vào ngày 24/02/2017;

• Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT/2016-2017	13/12/2016	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 24/01/2017
2	02/NQHĐQT/2016-2017	30/12/2016	Dời ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 sang ngày 24/02/2017 Thống nhất kế hoạch kinh doanh 2017 do Tổng giám đốc đề trình

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán niên độ kế toán 2016 - 2017.

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT



LÊ NAM HẢI

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 17/07/1971
Nơi sinh : Hải Dương
CMND : 022341792 ngày cấp 20/02/2008, nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 43 Nguyễn Đình Chi, Phường 9, Quận 6, Tp HCM
Số ĐT liên lạc : 0902838383
Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính, kế toán

• **Quá trình công tác:** + Từ 1993 đến 1998: Ngân hàng TMCP Quế Đô
+ Từ 1998 đến 2010: Công ty kiểm toán AASC

• **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Agifish
• **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hùng Vương
• **Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** :
• **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
• **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
• **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không



NGUYỄN THANH TÙNG

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 25/05/1983
Nơi sinh : Hà Nội
CMND : 012345319 ngày cấp 28/06/2000, nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 42 Ấu Triệu, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số ĐT liên lạc : 0733854245
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

• **Quá trình công tác:** Từ 2006 đến 2007 : Chuyên viên giao dịch Tiền tệ Ngoại hối – Trung tâm Nguồn vốn – Ngân hàng TMCP Techcombank
Từ 2007 đến 2009 : Chuyên viên tư vấn – Bộ phận dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
Từ 2009 đến 2011 : Chuyên viên Tư vấn – Bảo lãnh phát hành – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI)
Từ 2011 đến nay Trợ lý HĐQT Công ty CP Hùng vương, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lâm thủy sản Bến Tre

• **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Agifish
• **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : - Trợ lý HĐQT Công ty CP Hùng vương
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lâm thủy sản Bến Tre
• **Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** :
• **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không có
• **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
• **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
• **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không



TRIỆU NGUYỄN NGỌC MINH

Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 11/08/1985
Nơi sinh : Rạch Giá – Kiên Giang
CMND : 361973782 ngày cấp 05 – 09 – 2000, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 144 Khu vực 2, Phường Ba Láng, Q. Cái Răng, Cần Thơ
Số ĐT liên lạc : 01684641900
Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế

• **Quá trình công tác:** Từ 01/09/2008 đến nay: Cty XNK Thủy Sản An Giang - 1234 Trần Hưng Đạo Tp.Long Xuyên An Giang

• **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Nhân viên Xí nghiệp Dịch vụ thủy sản
• **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Không
• **Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** :
• **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không
• **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
• **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
• **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không

• Hoạt động của Ban kiểm soát :

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, kịp thời giám sát và góp ý kiến cho các hoạt động cũng như quyết định của HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

a) Thù lao cho Hội đồng quản trị trong niên độ 201-2017 như sau:

Trong niên độ 2016-2017, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công ty.

b) Giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của nhà nước.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2017)

MỤC LỤC

- 01** THÔNG TIN CHUNG
- 02** BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 03** BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- 05** BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
- 07** BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- 08** BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- 09** THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

• Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

• Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.

• Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng thủy sản, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ thủy sản và dịch vụ kho vận.

• Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1234, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Phước Hậu	---	Chủ tịch
Ông Dương Ngọc Minh	---	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ký	---	Thành viên
Ông Võ Thành Thông	---	Thành viên
Ông Võ Văn Phong	---	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

• Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nam Hải	---	Trưởng ban
Bà Triệu Nguyễn Ngọc Minh	---	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	---	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

• Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Ký	---	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Thông	---	Phó Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Phong	---	Phó Tổng Giám đốc
------------------	-----	-------------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

• Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Ký.

KIỂM TOÁN VIÊN

• Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

• Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

• Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

• Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

• Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Ký
TỔNG GIÁM ĐỐC

An Giang, Việt Nam
Ngày 12 tháng 1 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 1 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017)

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.700.407.685.906	1.905.900.090.288
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	14.703.368.003	27.815.947.456
111	1. Tiền		14.703.368.003	27.815.947.456
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.100.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	11.100.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.087.344.355.153	1.246.327.203.853
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.199.387.126.703	1.274.118.021.347
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	23.763.269.681	18.159.810.021
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	8.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	23.820.113.659	23.086.695.347
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(159.626.154.890)	(77.137.322.862)
140	IV. Hàng tồn kho	10	538.458.816.498	591.685.298.557
141	1. Hàng tồn kho		551.922.187.704	601.817.506.356
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.463.371.206)	(10.132.207.799)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		48.801.146.252	40.071.640.422
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	2.503.009.132	3.388.838.836
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		39.831.829.712	30.137.498.055
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	6.466.307.408	6.545.303.531
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		371.703.971.355	548.411.349.779
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		183.000.000	143.833.213.537
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	-	142.925.213.537
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	183.000.000	908.000.000
220	II. Tài sản cố định		272.536.164.365	301.638.822.017
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	203.489.757.775	234.498.347.746
222	Nguyên giá		597.840.112.339	588.313.497.838
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(394.350.354.564)	(353.815.150.092)
227	2. Tài sản vô hình	12	69.046.406.590	67.140.474.271
228	Nguyên giá		69.912.589.271	67.588.245.044
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(866.182.681)	(447.770.773)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		32.415.668.553	39.644.690.978
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	32.415.668.553	39.644.690.978
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		212.600.000	212.600.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(212.600.000)	(212.600.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		66.569.138.437	63.294.623.247
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	65.925.266.748	61.488.511.637
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	643.871.689	1.806.111.610
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.072.111.657.261	2.454.311.440.067

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.470.539.603.727	1.665.410.150.170
310	I. Nợ ngắn hạn		1.444.424.514.254	1.638.595.187.670
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	574.204.652.072	752.364.181.767
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	21.306.992.782	6.292.870.329
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	451.801.638	983.048.011
314	4. Phải trả người lao động	20	9.815.988.322	14.975.909.610
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	27.879.268.706	12.977.353.675
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	437.500.000	750.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	7.042.754.622	8.824.712.226
320	8. Vay ngắn hạn	21	802.878.548.790	840.856.704.730
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		407.007.322	570.407.322
330	II. Nợ dài hạn		26.115.089.473	26.814.962.500
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	652.727.273	437.500.000
338	2. Vay dài hạn	21	16.000.000.000	16.000.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	23	9.462.362.200	10.377.462.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		601.572.053.534	788.901.289.897
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	601.572.053.534	788.901.289.897
411	1. Vốn cổ phần		281.097.430.000	281.097.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		281.097.430.000	281.097.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		411.288.522.916	411.288.522.916
421	3. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(92.322.626.933)	95.006.609.430
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		95.006.609.430	92.679.691.743
421b	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay		(187.329.236.363)	2.326.917.687
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.508.727.551	1.508.727.551
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.072.111.657.261	2.454.311.440.067



Võ Thành Thông
Người lập & Kế toán trưởng
Ngày 12 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.279.610.602.669	3.303.064.677.141
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(5.732.416.808)	(11.694.508.543)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.273.878.185.861	3.291.370.168.598
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(2.184.448.148.309)	(3.066.559.694.958)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.430.037.552	224.810.473.640
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	22.286.256.559	25.992.518.449
22	7. Chi phí tài chính	29	(71.696.511.928)	(86.252.459.708)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(55.890.806.043)	(60.064.144.042)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(123.042.831.643)	(138.280.333.477)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(102.795.215.920)	(21.091.410.084)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(185.818.265.380)	5.178.788.820
31	11. Thu nhập khác	30	192.916.927	579.999.926
32	12. Chi phí khác	30	(541.647.989)	(1.393.598.262)
40	13. Lỗ khác	30	(348.731.062)	(813.598.336)
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(186.166.996.442)	4.365.190.484
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.3	(1.162.239.921)	(1.779.726.387)
60	17. (Lỗ) Lợi nhuận sau thuế TNDN		(187.329.236.363)	2.585.464.097
70	18. (Lỗ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.4	(6.664,21)	82,78
71	19. (Lỗ) Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.4	(6.664,21)	82,78



Võ Thành Thông
Người lập & Kế toán trưởng
Ngày 12 tháng 01 năm 2018



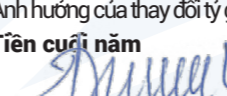
Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(186.166.996.442)	4.365.190.484
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	41.241.569.812	41.673.638.690
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		84.904.895.135	(1.242.367.348)
04	Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(333.868.635)	5.324.046.223
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.128.478.518)	(421.282.881)
06	Chi phí lãi vay	29	55.890.806.043	60.064.144.042
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.592.072.605)	109.763.369.210
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		202.726.610.619	(540.387.090.093)
10	Giảm hàng tồn kho		49.895.318.652	587.209.122.739
11	Giảm (tăng) các khoản phải trả		(155.757.932.067)	151.070.808.171
12	Tăng (giảm) chi phí trả trước		(3.550.925.407)	6.682.093.968
14	Tiền lãi vay đã trả		(55.734.375.225)	(60.148.007.105)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(163.400.000)	(5.383.847.605)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		31.823.223.967	248.806.449.285
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.188.863.694)	(40.131.530.047)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.274.545.454	-
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(11.100.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		8.100.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.293.037.449	742.823.148
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.621.280.791)	(39.388.706.899)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		1.377.951.565.735	1.594.203.027.216
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.419.252.653.875)	(1.751.650.814.267)
36	Cổ tức đã trả		(34.608.500)	(70.239.749.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(41.335.696.640)	(227.687.536.051)
50	Giảm tiền thuần trong năm		(13.133.753.464)	(18.269.793.665)
60	Tiền đầu năm		27.815.947.456	46.056.851.546
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		21.174.011	28.889.575
70	Tiền cuối năm	4	14.703.368.003	27.815.947.456



Võ Thành Thông
Người lập & Kế toán trưởng
Ngày 12 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám Đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

1. THÔNG TIN CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.
- Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.
- Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng thủy sản, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ thủy sản và dịch vụ kho vận.
- Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
- Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 2.256 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 2.617 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:
 - Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
 - Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 GIÁ ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

- Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá

trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

- Trong năm, Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 187.329.236.363 VND. Cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 92.322.626.933 VND.
- Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai.
- Tại ngày lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã lập lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo mà dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Bên cạnh đó, công ty mẹ của Công ty cũng cam kết tiếp tục cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính cần thiết để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động cho mười hai tháng tiếp theo mà không có bất kỳ sự gián đoạn nào. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.
- Theo đó, báo cáo tài chính chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

2.3 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 KỶ KẾ TOÁN NĂM

- Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 30 tháng 9.

2.5 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 TIỀN

- Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 HÀNG TỒN KHO

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau: Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.
- Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giá tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

- Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

3.5 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

• Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	48 năm
Nhà cửa	3 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 25 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 12 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	3 - 10 năm

3.6 CHI PHÍ ĐI VAY

• Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

• Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

• Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời gian từ 1 đến 19 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

• Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

• Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

• Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

• Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 TRỢ CẤP THÔI VIỆC PHẢI TRẢ

• Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

• Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

• Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

• Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

• Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13 GHI NHẬN DOANH THU

• Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.
- Tiền lãi
- Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

• (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia (lỗ) lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

• (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia (lỗ) lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

• Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

• Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

• Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

• Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

• Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

• Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

• Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

• Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

• Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.126.859.707	6.495.794.026
Tiền gửi ngân hàng	12.576.508.296	21.320.153.430
TỔNG CỘNG	14.703.368.003	27.815.947.456

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng đến dưới một (1) năm tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn với giá trị 6.100.000.000 VND để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu các bên khác	980.846.252.053		1.045.992.034.087	
Trong đó:				
<i>Công ty Cổ phần Nông Thủy sản Việt Phú</i>	357.286.901.495		266.998.767.666	
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản Hưng Thành</i>	261.285.994.624		360.417.268.059	
<i>M&T Seafood's Corp</i>	152.882.610.097		81.535.899.490	
<i>Khác</i>	209.390.745.837		337.040.098.872	
Phải thu các bên liên quan	218.540.874.650		228.125.987.260	
<i>(Thuyết minh số 33)</i>	<u>1.199.387.126.703</u>		<u>1.274.118.021.347</u>	
Dài hạn				
M&T Seafood's Corporation	-		142.925.213.537	
TỔNG CỘNG	1.199.387.126.703		1.417.043.234.884	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(143.295.700.316)		(65.740.552.612)	
GIÁ TRỊ THUẦN	1.056.091.426.387		1.351.302.682.272	

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	65.740.552.612	65.851.573.883
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	77.555.147.704	547.907.657
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(658.928.928)
Số cuối năm	143.295.700.316	65.740.552.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	7.083.252.636	13.010.419.232
Trong đó:		
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Môi trường Ares</i>	3.795.000.000	-
<i>Nguyễn Văn Thuận</i>	-	3.925.707.022
<i>Khác</i>	3.288.252.636	9.084.712.210
Trả trước cho các bên liên quan	16.680.017.045	5.149.390.789
<i>(Thuyết minh số 33)</i>		
TỔNG CỘNG	23.763.269.681	18.159.810.021
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(3.000.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	20.763.269.681	18.159.810.021

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền cho Công ty Cổ phần Giải Trí Châu Á vay tín chấp với lãi suất là 3,3%/năm và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giải Trí Châu Á	-	-	8.100.000.000	(1.050.000.000)

9. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu cá nhân về chuyển nhượng khoản đầu tư	10.200.000.000	(10.200.000.000)	10.200.000.000	((10.200.000.000))
Tạm ứng cho nhân viên	9.194.144.197	(462.872.300)	8.427.150.627	-
Phải thu khác	4.425.969.462	(2.667.582.274)	4.459.544.720	-
	23.820.113.659	(13.330.454.574)	23.086.695.347	(146.770.250)
				(10.346.770.250)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	183.000.000	-	908.000.000	-
TỔNG CỘNG	24.003.113.659	(13.330.454.574)	23.994.695.347	-
Trong đó:				(10.346.770.250)
Phải thu các bên khác	22.003.113.659	(11.330.454.574)	19.084.449.473	-
Phải thu các bên liên quan	2.000.000.000	(2.000.000.000)	4.910.245.874	(10.346.770.250)
<i>(Thuyết minh số 33)</i>				-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	399.680.702.988	338.316.378.382
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	127.821.594.368	238.308.699.466
Nguyên vật liệu	23.656.615.086	24.241.176.144
Công cụ, dụng cụ	595.222.491	738.861.714
Hàng hóa	168.052.771	212.390.650
TỔNG CỘNG	551.922.187.704	601.817.506.356
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.463.371.206)	(10.132.207.799)
GIÁ TRỊ THUẦN	538.458.816.498	591.685.298.557

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.132.207.799	12.550.022.501
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.331.163.407	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(2.417.814.702)
Số cuối năm	13.463.371.206	10.132.207.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	176.033.346.941	394.164.050.476	16.650.369.055	1.348.813.184	116.918.182	588.313.497.838
Mua sắm mới	-	1.582.325.000	-	-	-	1.582.325.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.385.478.401	-	-	-	8.385.478.401
Thanh lý	-	(294.120.900)	-	(147.068.000)	-	(441.188.900)
Số cuối năm	176.033.346.941	403.837.732.977	16.650.369.055	1.201.745.184	116.918.182	597.840.112.339
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	8.986.153.436	49.694.904.847	4.734.744.462	1.023.535.469	47.500.000	64.486.838.214
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(66.607.269.314)	(274.471.446.822)	(11.353.298.474)	(1.288.011.105)	(95.124.377)	(353.815.150.092)
Khấu hao trong năm	(8.284.715.071)	(31.282.137.495)	(1.212.986.712)	(34.910.125)	(8.408.501)	(40.823.157.904)
Thanh lý	-	147.060.432	-	140.893.000	-	287.953.432
Số dư cuối năm	(74.891.984.385)	(305.606.523.885)	(12.566.285.186)	(1.182.028.230)	(103.532.878)	(394.350.354.564)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	109.426.077.627	119.692.603.654	5.297.070.581	60.802.079	21.793.805	234.498.347.746
Số cuối năm	101.141.362.556	98.231.209.092	4.084.083.869	19.716.954	13.385.304	203.489.757.775
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	70.348.867.808	61.825.501.444	-	-	-	132.174.369.252

(*) Công ty đã dùng nhà cửa, máy móc và thiết bị với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 lần lượt là 43.644.938.071 VND và 47.953.021.164 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh số 21). Nhà cửa, máy móc và thiết bị còn lại với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 lần lượt là 26.703.923.737 VND và 13.872.480.280 VND được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Hùng Vương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	67.372.729.044	215.516.000	67.588.245.044
Mua sắm mới	2.324.344.227	-	2.324.344.227
Số cuối năm	<u>69.697.073.271</u>	<u>215.516.000</u>	<u>69.912.589.271</u>
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	215.516.000	215.516.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(232.254.773)	(215.516.000)	(447.770.773)
Hao mòn trong năm	(418.411.908)	-	(418.411.908)
Số cuối năm	<u>(650.666.681)</u>	<u>(215.516.000)</u>	<u>(866.182.681)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	67.140.474.271	-	67.140.474.271
Số cuối năm	<u>69.046.406.590</u>	<u>-</u>	<u>69.046.406.590</u>
Trong đó:			
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	28.775.165.545	-	28.775.165.545

(*) Công ty đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 3.136.933.422 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh số 21). Quyền sử dụng đất còn lại với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 25.638.232.123 VND được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Hùng Vương.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất (*)	21.000.000.000	21.000.000.000
Mở rộng kho vận	10.807.963.658	10.807.963.658
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	607.704.895	6.857.948.747
Hệ thống dẫn nước đang lắp đặt	-	777.704.745
Khác	-	201.073.828
TỔNG CỘNG	<u>32.415.668.553</u>	<u>39.644.690.978</u>

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<u>212.600.000</u>	<u>(212.600.000)</u>	<u>-</u>	<u>212.600.000</u>	<u>(212.600.000)</u>	<u>-</u>

Chi tiết giá trị khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND
Công ty Cổ phần Bông đá Hùng Vương – An Giang	<u>21.260</u>	<u>212.600.000</u>	<u>21.260</u>	<u>212.600.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.171.403.744	956.435.059
Chi phí sửa chữa	634.663.169	2.160.845.141
Công cụ, dụng cụ	426.831.517	-
Tiền thuê đất trả trước	<u>270.110.702</u>	<u>271.558.636</u>
Khác	<u>2.503.009.132</u>	<u>3.388.838.836</u>
Dài hạn	58.365.005.061	60.788.528.006
Tiền thuê đất trả trước	58.365.005.061	60.788.528.006
Chi phí sửa chữa	6.183.872.769	-
Công cụ, dụng cụ	1.018.695.593	296.518.702
Khác	<u>357.693.325</u>	<u>403.464.929</u>
	<u>65.925.266.748</u>	<u>61.488.511.637</u>
TỔNG CỘNG	<u>68.428.275.880</u>	<u>64.877.350.473</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	317.063.603.394	474.051.304.151
Phải trả các bên khác	257.141.048.678	278.312.877.616
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Nông Thủy sản Việt Phú	95.275.209.105	-
Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản Hưng Thành	31.482.205.051	21.341.257.045
Khác	<u>130.383.634.522</u>	<u>256.971.620.571</u>
TỔNG CỘNG	<u>574.204.652.072</u>	<u>752.364.181.767</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác		
Trong đó:		
DBK Seafood Ltd.	33.580.130.500	-
Công ty TNHH Một Thành viên Vũ Thanh	2.410.936.000	-
Công ty TNHH Vạn Đạt	2.216.463.410	-
Khác	<u>13.099.462.872</u>	<u>6.292.870.329</u>
TỔNG CỘNG	<u>21.306.992.782</u>	<u>6.292.870.329</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-			
Thuế thu nhập cá nhân	658.835.446	10.561.113.419	(10.561.113.419)	-
Thuế nhà đất	324.212.565	800.556.324	(1.231.754.215)	227.637.555
Các loại thuế khác	-	4.805.292.401	(5.014.815.300)	114.689.666
TỔNG CỘNG	983.048.011	726.484.523	(617.010.106)	109.474.417
		16.893.446.667	(17.424.693.040)	451.801.638
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.466.307.408	-	-	6.466.307.408
Các loại thuế khác	78.996.123	-	(78.996.123)	-
TỔNG CỘNG	6.545.303.531	-	(78.996.123)	6.466.307.408

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua nguyên vật liệu	18.017.670.000	-
Chi phí hoa hồng	3.892.267.667	6.689.597.061
Chi phí thuê ao	1.898.405.771	2.284.063.585
Chi phí vận chuyển	1.146.324.450	370.519.129
Chi phí lãi vay	827.833.867	671.403.049
Chi phí điện, nước	537.820.775	731.500.750
Chi phí phải trả khác	1.558.946.176	2.230.270.101
TỔNG CỘNG	27.879.268.706	12.977.353.675
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	25.572.628.706	12.977.353.675
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)	2.306.640.000	-

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	3.996.686.327	3.740.326.608
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	375.034.835	175.034.835
Cổ tức	-	34.608.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.671.033.460	4.874.742.283
TỔNG CỘNG	7.042.754.622	8.824.712.226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

VND

	Số đầu năm	Số cuối năm	Trả trong năm	Chênh lệch tỉ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng	836.856.704.730	1.377.951.565.735	(1.419.252.653.875)	3.322.932.200	798.878.548.790
(Thuyết minh số 21.1)					
Vay dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	-	-	-	4.000.000.000
(Thuyết minh số 21.2)					
840.856.704.730	1.377.951.565.735	(1.419.252.653.875)	3.322.932.200	802.878.548.790	
Vay dài hạn ngân hàng					
(Thuyết minh số 21.2)	16.000.000.000	-	-	-	16.000.000.000
TỔNG CỘNG	856.856.704.730	1.377.951.565.735	(1.419.252.653.875)	3.322.932.200	818.878.548.790

21.1 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động như sau

Tên ngân hàng	Số cuối năm		Nguyên tệ		Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức thế chấp
	VND	USD	VND	USD			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	449.088.800.380	169.632.350.380	12.283.800	1.283.800	Từ ngày 02/10/2017 đến ngày 27/06/2018	Vay bằng VND: 7,0 Vay bằng USD: 4,5	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng và máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tập đoàn Petrolimex – Chi nhánh An Giang	150.024.284.455	125.728.694.455	1.067.000	1.067.000	Từ ngày 22/12/2017 đến ngày 02/07/2018	Vay bằng VND: 7,0 - 7,2 Vay bằng USD: 3,5 - 3,7	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh An Giang	104.571.816.955	99.858.426.955	207.000	207.000	Từ ngày 14/10/2017 đến ngày 17/01/2018	Vay bằng VND: 9,2 Vay bằng USD: 2,0	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ	45.530.000.000	-	2.000.000	2.000.000	Từ ngày 21/12/2017 đến ngày 22/03/2018	3,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân – Chi nhánh An Giang	29.660.202.000	-	1.302.600	1.302.600	Từ ngày 28/12/2017 đến ngày 17/02/2018	3,0 - 5,0	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Nông Thủy sản Việt Phú
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	20.003.445.000	-	878.500	878.500	Ngày 5 tháng 1 năm 2018	4,0	Nhà xưởng
TỔNG CỘNG	798.878.548.79	395.219.471.790	17.738.900	17.738.900			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

21.2 VAY NGÂN HÀNG DÀI HẠN

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng nhằm mục đích tài trợ cho việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức thế chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tập đoàn Petrolimex – Chi nhánh An Giang	20.000.000.000	Trả hàng năm số tiền 4.000.000.000 VND từ ngày 26/9/2018 đến ngày 26/9/2020 và số tiền 8.000.000.000 VND vào ngày 29/09/2021	8,5	Quyền sử dụng đất hình thành từ vốn vay
Trong đó:	4.000.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	16.000.000.000			
Vay dài hạn				

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ việc cho thuê đất.

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thời việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10

24. VỐN SỞ HỮU

24.1 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	281.097.430.000	411.288.522.916	93.847.390.710	69.106.658.533	1.508.727.551	856.848.729.710
Hoàn nhập quỹ	-	-	(93.847.390.710)	93.847.390.710	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.585.464.097	-	2.585.464.097
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(258.546.410)	-	(258.546.410)
Cổ tức công bố	-	-	-	(70.274.357.500)	-	(70.274.357.500)
Số cuối năm	281.097.430.000	411.288.522.916	-	95.006.609.430	1.508.727.551	788.901.289.897
Năm nay						
Số đầu năm	281.097.430.000	411.288.522.916	-	95.006.609.430	1.508.727.551	788.901.289.897
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(187.329.236.363)	-	(187.329.236.363)
Số cuối năm	281.097.430.000	411.288.522.916	-	(92.322.626.933)	1.508.727.551	601.572.053.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

24.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần	281.097.430.000	281.097.430.000
Số đầu năm và số cuối năm	-	70.274.357.500
Cổ tức công bố		

24.3 CỔ PHIẾU

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	28.109.743	28.109.743
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.109.743	28.109.743
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.109.743	28.109.743

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

24.4 (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(187.329.236.363)	2.585.464.097
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(258.546.410)
(LỖ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	(187.329.236.363)	2.326.917.687
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (cổ phiếu)	28.109.743	28.109.743
(LỖ) lãi cơ bản và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(6.664,21)	82,78

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tính với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 1 năm 2016.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

25. DOANH THU**25.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.279.610.602.669	13.303.064.677.141
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu cá	1.196.255.525.823	1.322.748.190.981
Doanh thu bán cá nội địa	554.267.511.426	568.441.998.768
Doanh thu hàng phụ phẩm	315.040.883.332	340.612.073.549
Doanh thu cá nguyên liệu	82.112.220.186	675.201.820.902
Doanh thu hàng hóa	114.924.852.224	340.344.413.032
Doanh thu thuốc thú y thủy sản	11.960.684.146	13.449.101.479
Doanh thu dịch vụ	3.690.503.697	41.713.623.376
Doanh thu khác	1.358.421.835	553.455.054
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.732.416.808)	(11.694.508.543)
Hàng bán bị trả lại	(5.732.416.808)	(8.049.853.186)
Giảm giá hàng bán	-	(3.644.655.357)
DOANH THU THUẦN	2.273.878.185.861	3.291.370.168.598
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu cá	1.190.578.752.315	1.313.250.100.163
Doanh thu bán cá nội địa	554.211.868.126	568.321.516.771
Doanh thu hàng phụ phẩm	315.040.883.332	338.537.556.392
Doanh thu cá nguyên liệu	82.112.220.186	675.201.820.902
Doanh thu hàng hóa	114.924.852.224	340.342.994.461
Doanh thu thuốc thú y thủy sản	11.960.684.146	13.449.101.479
Doanh thu dịch vụ	3.690.503.697	41.713.623.376
Doanh thu khác	1.358.421.835	553.455.054
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	2.039.120.566.068	3.017.920.974.580
Doanh thu đối với các bên liên quan	234.757.619.793	273.449.194.018

25.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	220.333.851.327	25.249.695.301
Lãi tiền gửi	1.225.871.060	742.823.148
Lãi chậm thanh toán nhận được	726.534.172	-
TỔNG CỘNG	22.286.256.559	25.992.518.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cá xuất khẩu	1.173.149.637.140	1.276.063.407.616
Giá vốn cá bán nội địa	477.754.581.559	452.128.920.678
Giá vốn hàng phụ phẩm	314.695.170.471	338.298.649.135
Giá vốn cá nguyên liệu	87.497.526.154	624.369.717.360
Giá vốn hàng hóa	113.784.967.031	338.076.017.773
Giá vốn thuốc thú y thủy sản	11.482.990.824	12.890.564.533
Giá vốn dịch vụ	2.752.111.723	27.150.232.565
Giá vốn khác	3.331.163.407	(2.417.814.702)
TỔNG CỘNG	2.184.448.148.309	3.066.559.694.958

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lưu kho	42.927.788.486	28.965.216.733
Chi phí vận chuyển	41.839.495.334	57.465.953.931
Chi phí hoa hồng và hỗ trợ bán hàng	13.813.746.440	24.535.174.578
Chi phí bán hàng khác	24.461.801.383	27.313.988.235
TỔNG CỘNG	123.042.831.643	138.280.333.477

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng	83.371.434.553	2.347.657.842
Chi phí lương	6.959.667.294	7.329.682.861
Chi phí thuê	3.345.769.066	4.344.682.209
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.118.345.007	7.069.387.172
TỔNG CỘNG	102.795.215.920	21.091.410.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	55.890.806.043	60.064.144.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.805.705.885	26.188.315.666
TỔNG CỘNG	71.696.511.928	86.252.459.708

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	192.916.927	579.999.926
Khác	192.916.927	579.999.926
Chi phí khác	(541.647.989)	(1.393.598.262)
Lỗ từ xóa sổ tài sản cố định	(97.392.542)	(321.540.267)
Tiền phạt	(64.968.831)	(732.607.269)
Khác	(379.286.616)	(339.450.726)
LỖ KHÁC	(348.731.062)	(813.598.336)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	1.791.389.293.342	2.122.470.315.503
Chi phí nhân công	206.497.600.354	217.430.934.505
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	41.241.569.812	41.673.638.690
Chi phí khác	322.034.951.872	262.298.164.163
TỔNG CỘNG	2.361.163.415.380	2.643.873.052.861

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

32.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí (thu nhập) thuế thu TNDN hoãn lại	1.162.239.921	1.779.726.387

Dưới đây là đối chiếu (thu nhập) chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(186.166.996.442)	4.365.190.484
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	-	566.682.819
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	177.703.490	237.640.371
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất áp dụng	(602.037.204)	975.403.197
Lỗ tính thuế	1.586.573.635	-
Chi phí thuế TNDN	1.162.239.921	1.779.726.387

30.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

- (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

32.3 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Công ty đã ghi nhận các khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.892.472.440	1.556.619.375	335.853.065	(500.933.450)
Chi phí phải trả	778.453.533	1.003.439.559	(224.986.026)	(434.718.362)
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	-	389.714.365	(389.714.365)	(2.360.664.062)
Khác	-	3.337.803	(3.337.803)	(6.343.775)
	2.670.925.973	2.953.111.102		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2.027.054.284)	(1.146.999.492)	(880.054.792)	1.522.933.262
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	643.871.689	1.806.111.610		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(1.162.239.921)	(1.779.726.387)

32.4 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN

• Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ chuyển sang các năm sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

Lỗ chuyển sang các năm sau

• Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 194.099.864.614 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 2.598.095.769 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/9/2017	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/9/2017
2015	2020	13.751.892.133	(11.153.796.364)	2.598.095.769
2017	2022	191.501.768.845	-	191.501.768.845
TỔNG CỘNG		205.253.660.978	(11.153.796.364)	194.099.864.614

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	143.825.612.180	6.541.600.000
		Bán cá nguyên liệu	77.974.886.420	39.434.636.320
		Bán hàng hóa	3.726.076.881	3.531.051.031
		Bán máy móc	1.220.000.000	-
		Mua dịch vụ	87.607.611	-
		Thuê nhà kho	-	127.069.443
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thăng	Đồng sở hữu	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	225.183.233.370	626.114.140.400
		Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	130.489.223.200	174.082.450.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa	725.500.000	846.847.279
		Bán hàng hóa	6.705.822.494	15.313.048.701
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	Thuế ao	3.500.000.000	3.500.000.000
		Bán cá nguyên liệu	-	207.057.532.500
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	123.349.240.000	136.792.060.000
		Bán hàng hóa	579.721.818	724.478.187
Ông Võ Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng mua hàng hóa	-	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

B09-DN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
Phải thu khách hàng ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	217.106.254.650	-	-	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	1.434.620.000	796.926.000	796.926.000	796.926.000
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	-	227.329.061.260	227.329.061.260	227.329.061.260
		218.540.874.650	228.125.987.260	228.125.987.260	228.125.987.260
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	13.680.017.045	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	-	2.149.390.789	2.149.390.789	2.149.390.789
		16.680.017.045	5.149.390.789	5.149.390.789	5.149.390.789
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Võ Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc	-	2.910.245.874	2.910.245.874	2.910.245.874
		2.000.000.000	4.910.245.874	4.910.245.874	4.910.245.874
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thăng	Đồng sở hữu	300.142.280.570	417.984.959.600	417.984.959.600	417.984.959.600
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	14.734.533.166	31.536.020.988	31.536.020.988	31.536.020.988
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	1.265.469.500	2.329.189.500	2.329.189.500	2.329.189.500
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	921.320.158	-	-	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	-	22.201.134.063	22.201.134.063	22.201.134.063
		317.063.603.394	474.051.304.151	474.051.304.151	474.051.304.151
Chi phí phải trả ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	2.306.640.000	-	-	-
Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:					
Lương và các chi phí liên quan		1.774.363.000	1.898.674.615	1.898.674.615	1.898.674.615

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

- Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.
- Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

- Công ty hiện đang thuê nhà kho và ao cá theo các hợp đồng thuê hoạt động tại tỉnh An Giang, Việt Nam và văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	12.877.693.400	14.054.737.880
Từ 1 – 5 năm	24.566.953.947	30.921.953.947
Trên 5 năm	49.319.843.029	54.524.602.349
TỔNG CỘNG	86.764.490.376	99.501.294.176

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- Công ty hiện đang thuê nhà kho và ao cá theo các hợp đồng thuê hoạt động tại tỉnh An Giang, Việt Nam và văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	245.641	591.818
Euro (EUR)	1.802	1.802
Đô la Úc (AUD)	1.477	1.477

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

- Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Võ Thành Thông

Người lập & Kế toán trưởng
Ngày 12 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Kỳ
Tổng Giám Đốc